

Số: 03/2022/QĐST-HNGĐ

TM, ngày 14 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Bà **Nguyễn Thanh Nhân**.

***Thư ký phiên họp:*** Bà **Nguyễn Thị Mừng** - Thư ký Toà án nhân dân huyện TM, tỉnh HD.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TM, tỉnh HD tham gia phiên họp:***  
Bà **Nguyễn Thị Diên** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TM, tỉnh HD T hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2022/TLST-VDS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc “Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2022/QĐ-VDS ngày 28 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2022/QĐST-VDS ngày 08/4/2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự về Hủy kết hôn trái pháp luật: **UBND xã HP, huyện TM, tỉnh HD**. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Văn K** - Chủ tịch UBND xã HP. Vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh **Trần Văn T** - sinh ngày 22/01/1973 và chị **Vũ Thị N** - sinh ngày 20/12/1982. Đều có địa chỉ: thôn AP, xã HP, huyện TM, tỉnh HD. Có mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Ủy ban nhân dân (UBND) xã HP, huyện TM, tỉnh HD có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TM hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Trần Văn T và chị Vũ Thị N vì xác định: Trong quá trình kiểm tra lý lịch và rà soát các tài liệu hồ sơ lưu giữ của UBND xã HP, huyện TM, tỉnh HD như: Sổ đăng ký kết hôn, sổ hộ khẩu, sổ theo dõi khai sinh, UBND xã HP phát hiện trường hợp anh **Trần Văn T**, sinh ngày 22/01/1973 và chị **Vũ Thị N**, sinh ngày 20/12/1982, có hộ khẩu thường trú tại: thôn AP, xã HP, huyện TM, tỉnh HD kết hôn ngày 17 tháng 11 năm 1999 là trái pháp luật. Căn cứ theo các tài liệu chính gồm: Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, trích lục khai sinh thì chị Vũ Thị N - sinh ngày 20/12/1982 nhưng ngày **17 tháng 11 năm 1999** đã T hành đăng ký kết hôn với anh Trần Văn T, khi đó chị N còn thiếu **01 tháng 03** ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình

năm 1986: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên*”. Do khi đến đăng ký kết hôn tại UBND xã, anh T và chị N đã khai chị N sinh năm 1981, đồng thời việc kiểm tra lý lịch của cán bộ tư pháp thời điểm đó còn chưa chính xác nên đã đăng ký kết hôn cho anh T, chị N và trong giấy chứng nhận kết hôn ghi anh Trần Văn T, sinh năm 1973 và chị Vũ Thị N, sinh năm 1981. Vì vậy, việc kết hôn và ban hành giấy chứng nhận kết hôn là trái pháp luật. Việc đăng ký kết hôn trái pháp luật đã gây ra cho anh T và chị N nhiều vấn đề khó khăn trong quá trình sinh sống và ảnh hưởng đến các thủ tục, giấy tờ hành chính của gia đình. Hiện tại anh Trần Văn T và chị Vũ Thị N vẫn chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Vì vậy UBND xã HP đề nghị Tòa án nhân dân huyện TM hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Trần Văn T và chị Vũ Thị N căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/11/1999 của UBND xã Tiền Phong (nay là UBND xã HP), huyện TM, tỉnh HD. Bên cạnh đó, nếu anh T và chị N yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện TM tạo điều kiện để công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh T, chị N trình bày: Anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có T hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiền Phong (nay là UBND xã HP), huyện TM, tỉnh HD ngày 17/11/1999. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị N chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn (Chị Vũ Thị N sinh ngày **20** tháng **12** năm **1982**, còn 01 tháng 03 ngày mới đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986), nên khi đến UBND xã Tiền Phong để làm thủ tục đăng ký kết hôn, anh chị đã khai chị Vũ Thị N sinh năm 1981 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do việc kiểm tra của cán bộ UBND xã Tiền Phong thời điểm đó chưa đầy đủ nên UBND xã đã đăng ký kết hôn cho vợ chồng anh chị tại Giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 17/11/1999, thể hiện đăng ký kết hôn cho anh Trần Văn T, sinh năm 1973 và chị Vũ Thị N, sinh năm 1981. Anh chị đồng ý với yêu cầu của UBND xã HP. Sau khi kết hôn cho đến nay, vợ chồng anh chị về tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và đã sinh được 02 con chung gồm: Trần Thị Thảo - sinh ngày 09/10/1999 và Trần Quốc Toàn - sinh ngày 02/7/2008. Vì vậy, vợ chồng anh chị cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện TM, tỉnh HD công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị N đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Thanh Tùng - Phó chủ tịch UBND xã Tiền Phong thời điểm năm 1999 là người trực tiếp đăng ký kết hôn cho anh T, chị N thừa nhận do việc kiểm tra giấy tờ tùy thân không kỹ và tin tưởng theo lời khai của anh T, chị N nên đã T hành đăng ký kết hôn cho anh chị vào ngày 17/11/1999.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TM tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự : Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự

kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện TM áp dụng: Điều 8, 10, 11, khoản 6 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân và gia đình ; Điều 370,371 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 6 Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 ; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.**

- Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã HP, huyện TM, tỉnh HD.
- Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn T, sinh ngày 22/01/1973 và chị Vũ Thị N, sinh ngày 20/12/1982 kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn (*Kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2000*).

- + Về lệ phí giải quyết việc dân sự: UBND xã HP, huyện TM, tỉnh HD không phải chịu lệ phí theo quy định.

Anh T, chị N có đơn yêu cầu Tòa án công nhận vợ chồng nên phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện TM, tỉnh HD nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn T và chị Vũ Thị N đều có hộ khẩu thường trú tại thôn AP, xã HP, huyện TM, tỉnh HD. UBND xã HP phát hiện anh T, chị N kết hôn trái pháp luật nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện TM hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của anh T, chị N ngày 17/11/1999). Đồng thời trong quá trình giải quyết, anh T, chị N đề nghị Tòa án nhân dân huyện TM công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc Tòa án nhân dân huyện TM thụ lý vụ việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Người yêu cầu là UBND xã HP vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 BLTTDS, Tòa án T hành mở phiên họp vắng mặt người yêu cầu.

[3] Về nội dung : Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ như sổ hộ khẩu gia đình, căn cước công dân đã có đủ căn cứ chứng minh tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 17/11/1999, anh Trần Văn T - sinh ngày 22/01/1973 được 27 tuổi 02 tháng 05 ngày đủ tuổi đăng ký kết hôn. Chị Vũ Thị N - sinh ngày 20/12/1982 được 16 tuổi 10 tháng 27 ngày chưa đủ tuổi kết hôn, do vậy chị N đã khai tăng tuổi sinh năm 1981 để đủ tuổi kết hôn. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch, UBND xã Tiên Phong (nay là UBND xã HP), huyện TM, tỉnh HD đã đăng ký

kết hôn cho anh T, chị N, tại giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/11/1999 ghi họ tên vợ là Vũ Thị N, sinh năm 1981 không đúng với năm sinh thực tế của chị N là sinh ngày 20/12/1982. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, tại Điều 5 quy định : « Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn ». Như vậy có đủ căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 17/11/1999 chị N chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, việc UBND xã Tiền Phong đã đăng ký kết hôn cho anh T, chị N là trái với quy định của pháp luật. Do vậy UBND xã Tiền Phong (nay là UBND xã HP), huyện TM, tỉnh HD có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TM hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ theo Điều 5,9 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986, khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Trong giấy chứng nhận kết hôn giữa anh T, chị N ngày 17/11/1999, phần Chồng và Vợ chưa ký tên mà UBND xã Tiền Phong đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh chị là vi phạm thủ tục đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, qua làm việc với ông Nguyễn Thanh Tùng - Nguyên phó chủ tịch UBND xã Tiền Phong, ông Nguyễn Văn Đoán - Nguyên cán bộ hộ tịch - tư pháp xã Tiền Phong, lời khai của anh T, chị N và Trích sổ đăng ký kết hôn của UBND xã Tiền Phong năm 1999 đều xác nhận và thể hiện ngày 17/11/1999, anh T chị N có làm thủ tục đăng ký kết hôn và anh chị đã ký vào sổ đăng ký kết hôn lưu giữ tại UBND xã.

Tại thời điểm UBND xã HP, huyện TM, tỉnh HD yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh T chị N đều xác định anh chị có đủ điều kiện kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 con chung, vì năm sinh của chị N không khớp nhau nên đã ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Anh T, chị N đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện TM công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao và Bộ Tư Pháp về "Xử lý yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" đã quy định: Khi xem xét, giải quyết yêu cầu có liên quan đến việc hủy kết hôn trái pháp luật, Tòa án căn cứ vào yêu cầu của đương sự và điều kiện kết hôn, điều kiện công nhận quan hệ hôn nhân quy định tại Điều 8, Điều 11 của Luật hôn nhân gia đình để quyết định. Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân gia đình, nếu hai bên kết hôn cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn đủ điều kiện kết hôn ».Do vậy không cần hủy kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị N kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn là ngày 20/12/2000.

UBND xã HP, huyện TM, tỉnh HD có trách nhiệm ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của anh T, chị N theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 Luật hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND xã HP, huyện TM, tỉnh HD không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Anh Trần Văn T và chị Vũ Thị N có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 30, 31 Luật hộ tịch; Điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã HP, huyện TM, tỉnh HD về việc hủy kết hôn trái pháp luật của anh Trần Văn T và chị Vũ Thị N.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh T, chị N: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn T, sinh ngày 22/01/1973 và chị Vũ Thị N, sinh ngày 20/12/1982, nơi cư trú: thôn AP, xã HP, huyện TM, tỉnh HD kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 20/12/2000.

3. Về lệ phí:

- UBND xã HP, huyện TM, tỉnh HD không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Anh Trần Văn T và chị Vũ Thị N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0004119 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TM, tỉnh HD. Anh T, chị N đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; Người yêu cầu vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện TM;
- VKSND tỉnh HD;
- UBND xã HP;
- Chi Cục THADS huyện TM;
- Người yêu cầu;

#### **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỢP**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**Nguyễn Thanh Nhàn**